

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày 19-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Tấn Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 19-7-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QXXST-HS ngày 13-6-2022 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T, sinh ngày 25-9-2001 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số 22/7 đường Q (nay là đường V), Khóm 2, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Con ông Phạm Trọng S và bà Phan Thị T; Có vợ tên Nguyễn Hoàng Y và con tên Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-3-2022. (có mặt)

**- Bị hại:** Bà Vương Thị Mỹ C, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Số 322/62 đường T, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào ngày 29-11-2021, Phạm Thanh T được xác định là người bị nhiễm dịch Covid-19 và được điều trị tập trung tại khu B của Bệnh viện dã chiến số 1, khu văn hóa Hồ Nước Ngọt đường H, Khóm 5, Phường 6, thành phố S.

Vào khoảng 03 giờ ngày 05-12-2021, T thức dậy đi vệ sinh thì thấy chị Vương Thị Mỹ C đang nằm ngủ tại giường bệnh số E09 của khi điều trị, bên cạnh có sạc một điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9Pro màu xám nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó, T đi đến khu vực chiếc điện thoại đang sạc pin dùng tay mở chiếc điện thoại từ dây sạc rồi bỏ vào túi quần và đưa về giường bệnh của Tuấn cất giấu. Đến sáng cùng ngày, T ra khỏi khu cách ly tập trung và mang điện thoại đi cầm tại tiệm điện thoại Châu ở Số 155 đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S được 1.500.000 đồng, số tiền có được T tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL.ĐGTS ngày 15-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 9Pro (6+128G), màu xám, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại là 85%, với số tiền là 5.686.500 đồng; 01 ốp lưng điện thoại, chất liệu nhựa dẻo, màu trắng đen, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại là 85%, với số tiền là 68.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS.TPST ngày 12-5-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng và bị hại cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do bị cáo nhiễm Covid-19 nên được đưa vào điều trị tập trung tại khu B của Bệnh viện Dã chiến số 1-khu văn hóa Hồ Nước Ngọt đường H, Khóm 5, Phường 6, thành phố Sóc Trăng. Vào khoảng 03 giờ ngày 05-12-2021, khi bị cáo đi vệ sinh thì phát hiện chị Vương Thị Mỹ C đang ngủ tại giường bệnh số E09 bên cạnh có sạc một điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 9Pro nên lén lút đi đến dùng tay mở chiếc điện thoại từ dây sạc rồi bỏ vào túi quần đem về giường bệnh cất giấu. Đến sáng cùng ngày, bị cáo ra khỏi khu cách ly tập trung mang điện thoại đi cầm tại tiệm điện thoại Châu ở Số 155 đường Hai Bà Trưng, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sóc Trăng bán được là 1.500.000 đồng, số tiền có được T tiêu xài hết. Qua định giá tài sản có giá trị là 5.754.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong và bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

Ngoài ra, do bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội cũng như không làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và các bị cáo cũng không thuộc trường hợp không được hưởng án treo nên cũng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022 tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của chính sách pháp luật Nhà nước ta đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền là 5.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Xét lời đề nghị Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo ở mức nghiêm khắc như Kiểm sát viên đề nghị nhưng cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 19-7-2022.

Giao bị cáo Phạm Thanh T cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nơi bị cáo đang cư trú hợp pháp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nơi bị cáo đang cư trú hợp pháp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo Phạm Thanh T.

Trường hợp bị cáo Phạm Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách bị cáo Phạm Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phạm Thanh T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh T đã bồi thường theo yêu cầu của bị hại Vương Thị Mỹ C với số tiền là 5.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS–Công an TPST;
- Đội Tổng hợp–Công an TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lâm Tấn Vinh**

